TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁC ÁI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5 - 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Pha

2. Bà Mẫu Thị Kim Khanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên toà: Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Pinăng Thị N, sinh năm: 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Pinăng Thị N: Ông Đỗ Thanh Long - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Cao Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Pinăng Thị N trình bày:

Chị và anh Cao Q sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau khi kết hôn, hai người về sinh sống làm ăn tại Thôn B, xã P, huyện B. Thời gian đầu hai người sống với nhau

tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện nay tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vì vậy chị N làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có ba người con chung là cháu Pinăng Thị U, sinh ngày 26/10/2008; cháu Pinăng Thị X, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Pinăng T, sinh ngày 21/3/2013. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Pinăng Thị N, ông Đỗ Thanh Long đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Pinăng Thị N và anh Cao Q sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Giao cháu Pinăng Thị U, sinh ngày 26/10/2008; cháu Pinăng Thị Xuân, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Pinăng T, sinh ngày 21/3/2013 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Cao Q phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bác Ái đã nhiều lần triệu tập anh Cao Q đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị N, nhưng anh Q không đến Tòa án, vì vậy, từ ngày 16/3/2023 đến ngày 10/4/2023, Tòa án đã nhiều lần niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nơi anh Q sinh sống để anh biết đến Tòa án giải quyết vụ, việc. Mặc dù vẫn có mặt ở địa phương, nhưng anh Q không chấp hành, cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Q và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Pinăng Thị N và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Thanh Long – Trợ giúp viên pháp lý kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cao Q không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy

định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Cao Q là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật "*Ly hôn và tranh chấp* về *nuôi con*", bị đơn anh Cao Q hiện đang cư trú tại Thôn B, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Pinăng Thị N cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Pinăng Thị N và anh Cao Q sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra nhau, hiện nay tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Giao cháu Pinăng Thị U, sinh ngày 26/10/2008; cháu Pinăng Thị X, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Pinăng T, sinh ngày 21/3/2013 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Pinăng Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị N đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 07/10/2022, chị Pinăng Thị N làm đơn đến Tòa án huyện Bác Ái yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Cao Q. Hiện nay, anh Q đang cư trú tại Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Tòa án huyện Bác Ái áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Pinăng Thị N và anh Cao Q sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan

điểm sống dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn thì căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q.

2.2. Về con chung: Chị N và anh Q có ba người con chung là cháu Pinăng Thị U, sinh ngày 26/10/2008; cháu Pinăng Thị X, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Pinăng T, sinh ngày 21/3/2013. Hiện các cháu đang ở cùng với chị N, tại phiên tòa chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét đến.

Về án phí: Chị Pinăng Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị chị Pinăng Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Pinăng Thị N được ly hôn với anh Cao Q.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Pinăng Thị U, sinh ngày 26/10/2008; cháu Pinăng Thị X, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Pinăng T, sinh ngày 21/3/2013 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Cao Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Pinăng Thị N.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2023).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Ninh Thuận;
-VKSND huyện;
-Các đương sự;
- UBND xã P;
- Chi cục THA dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thiện